TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/DS-ST
Ngày: 02/11/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Bà Phạm Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kim Mỹ

2. Ông Nguyễn Cửu Long

- Thư ký phiên tòa:Bà Phạm Thị Minh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2018/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/QĐXXST- DS ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Đường N, phường L, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ông Phạm Trường T là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 970/2018/UQ-TTT ngày 12/6/2018)

Bị đơn: Ông Đoàn Uy V

Địa chỉ thường trú: 128/5/9 Đường A, Khu phố 5, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tạm trú: 54/10 đường B, Khu phố 5, phường C, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Sài Gòn Thương Tín có ông Phạm Trường T đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 11/01/2011 ông Đoàn Uy V có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/ tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 74.670.213 (*Bảy mươi tư triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn, hai trăm mười ba*) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông V đã thanh toán được cho ngân hàng số tiền là 75.807.514 (*Bảy mươi lăm triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm mười bốn đồng*). Từ ngày 15/12/2014, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Qua nhiều lần nhắc nhở, làm việc nhưng ông V vẫn không có thiện chí thanh toán. Căn cứ vào Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, ngày 16/3/2015 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2,15% x 150% = 3,225%/ tháng

Tính đến ngày 02/11/2018, ông V còn nợ các khoản sau:

• Nợ gốc : 11.991.914 đồng

• Lãi quá hạn : 17.119.248 đồng

• **Tổng cộng : 29.111.162** ***(Hai mươi chín triệu, một trăm mười một ngàn, một trăm sáu mươi hai)*** **đồng**

Ông V còn có trách nhiệm phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định.

Bị đơn là ông Đoàn Uy V vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Đoàn Uy V, do bị đơn cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào kết quả của Phiếu yêu cầu xác minh số 380/PYCXM ngày 04/7/2018 của Công an phường Bình Trưng Đông Quận 2 trả lời như sau: "Ông Đoàn Uy V có hộ khẩu thường trú tại 128/5/9, Đường số 6, Khu phố 5, phường Bình Trưng Đông nhưng không có mặt tại địa phương và đã chuyển tạm trú về địa chỉ 54/10 đường Nguyễn Tuyển, khu phố 5, phường Bình Trưng Tây năm 2012" .

Tại kết quả của Phiếu yêu cầu xác minh số 389/2018/PYCXM ngày 09/7/2018, Công an phường Bình Trưng Tây trả lời: 'Ông Đoàn Uy V có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 54/10 đường Nguyễn Tuyển, khu phố 5, phường Bình Trưng Tây từ ngày 30/7/2013 đến tháng 6/2015 thì chuyển đi nơi khác, không rõ địa chỉ nơi đến"

Vì vậy, Tòa án nhân dân Quận 2 không thể thực hiện thủ tục tống đạt trực tiếp được.

Do không tống đạt trực tiếp được, áp dụng Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại 03 nơi: Nơi cư trú cuối cùng của ông Đoàn Uy V -54/10 đường Nguyễn Tuyển, khu phố 5, phường Bình Trưng Tây, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2 và tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, thời gian niêm yết văn bản tố tụng là 15 ngày kể từ ngày niêm yết, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 10/8/2018, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 133/2018/TB-TA ngày 27/6/2018; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 27/8/2018 để trình bày lời khai.

- Lần 2: Ngày 29/8/2018, niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 160/TB-TA ngày 29/8/2018 và Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 17/9/2018 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải người đại diện ủy quyền của nguyên đơn- ông Phạm Trường T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử. Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

- Lần 3: Ngày 28/9/2018 niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2018/QĐST-DS ngày 27/9/2018 và Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 15/10/2018 để tham gia phiên tòa sơ thẩm.

- Lần 4: Ngày 16/10/2018 niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2018/QĐST-DS ngày 15/10/2018 và Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 02/11/2018 để tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Trong tất cả các lần Tòa triệu tập, ông Đoàn Uy V đều vắng mặt không có lý do. Ông V thay đổi địa chỉ, không thông báo địa chỉ mới cho người khởi kiện,

cho Toà án, nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông Đoàn Uy V thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử 02/11/2018, bao gồm toàn bộ nợ gốc 11.991.914 đồng; nợ lãi quá hạn là 17.119.248 đồng. Tổng cộng ngân hàng yêu cầu ông V thanh toán số tiền 29.111.162 *(Hai mươi chín triệu, một trăm mười một ngàn, một trăm sáu mươi hai)* đồng.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu này của ngân hàng như sau:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng tín dụng ngày 04/01/2011 của ông Đoàn Uy V, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng số 47208533 - loại thẻ visa, hạn mức thẻ hạn mức tín dụng là 15.000.000 (*Mười lăm triệu đồng*) lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Các thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bản tóm tắt sao kê ngày 02/11/2018, căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng của bị đơn để xác định bị đơn đã nhận thẻ và thực hiện giao dịch với tổng số tiền 74.670.213 (*Bảy mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn, hai trăm mười ba*) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ khi kích hoạt thẻ đến nay ông V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 75.805.514 (*Bảy mươi lăm triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm mười bốn)* đồng.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/3/2015 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 2,15% x 150% = 3,225%/ tháng

Tính đến ngày xét xử, ông V còn nợ các khoản sau:

• Nợ gốc : 11.991.914 đồng

• Lãi quá hạn : 17.119.248 đồng

• Tổng cộng : 29.111.162 *(Hai mươi chín triệu, một trăm mười một ngàn, một trăm sáu mươi hai)* đồng

Xét số tiền nợ gốc ngân hàng yêu cầu ông V thanh toán là 11.991.914 (Mười một triệu chín trăm chín mươi mốt ngàn chín trăm mười bốn đồng) là đúng. Về số tiền lãi, Ngân hàng yêu cầu thanh toán là phù hợp với Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm thẻ về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành thẻ tín dụng; mục 22 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng quy định: "Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến khi chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút"; mục 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: "việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán….Áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại";

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là tổ chức tín dụng được phép kinh doanh tiền tệ, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng xác lập ngày 04/01/2011 ông Đoàn Uy V cam kết: " Tôi đã đọc, và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng Sacombank… ". Như vậy, lãi suất được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S sử dụng để tính lãi đối với khoản nợ của ông Đoàn Uy V từ ngày 16/3/2015 đến ngày 02/11/2018 với số tiền lãi 17.119.248 đồng là phù hợp với mức lãi suất quy định nên có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đầy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc ông Đoàn Uy V thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử 02/11/2018, bao gồm toàn bộ bao gồm toàn bộ nợ gốc 11.991.914 đồng; nợ lãi quá hạn là 17.119.248 đồng. Tổng cộng ngân hàng yêu cầu ông V thanh toán số tiền 29.111.162 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn phải chịu án phí. Án phí bị đơn phải chịu trên số tiền thanh toán cho nguyên đơn là 29.111.162 đồng. Ông Đoàn Uy V phải chịu án phí là 1.455.558 (*Một triệu, bốn trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm năm mươi tám đồng*). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 677.826 (*Sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, tám trăm hai mươi sáu*) đồng theo biên lai thu số AA/2017/ 0015316 ngày 27/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147,điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Đoàn Uy V về việc thanh toán các khoản nợ tín dụng.

Buộc ông Đoàn Uy V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 29.111.162*(Hai mươi chín triệu, một trăm mười một ngàn, một trăm sáu mươi hai)* đồng trong đó bao gồm nợ gốc 11.991.914 (*Mười một triệu, chín trăm chín mươi mốt ngàn, chín trăm mười bốn)* đồng; nợ lãi quá hạn là 17.119.248 (*Mười bảy triệu, một trăm mười chín ngàn, hai trăm bốn mươi tám*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đoàn Uy V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"

2. Về án phí: Ông Đoàn Uy V phải chịu án phí là 1.455.558 (*Một triệu, bốn trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm năm mươi tám đồng*). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 677.826 (*Sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, tám trăm hai mươi sáu*) đồng theo biên lai thu số AA/2017/ 0015316 ngày 27/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đoàn Uy V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga